

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Phi Hồng

Ông Lâm Ngọc Trao

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đ.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trí H, sinh năm 1979.

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trí H tự nguyện chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 248 ngày 28/12/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cụ thể: năm 2010 anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không phụ chị Y chăm sóc gia đình và nuôi dưỡng con cái. Mặt khác gia đình chồng luôn có thành kiến với chị Y do chị không theo đạo Thiên Chúa. Năm 2025 anh H bị tai nạn giao thông ảnh hưởng sức khỏe không đi làm được nên gánh nặng kinh tế gia đình dồn hết lên vai chị Y. Do cuộc sống hôn nhân không có sự đồng cảm chia sẻ, áp lực kinh tế và áp lực từ phía gia đình nhà chồng nên chị rất mệt mỏi. Chị Y đã nhiều lần cố gắng hàn gắn và tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Từ năm 2017, chị và 02 con về nhà mẹ tại huyện K sinh sống cho đến nay không hòa giải đoàn tụ với anh H.

Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị Y đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 02 cháu là Nguyễn Phương Q, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Phương Quỳnh Khánh V, sinh ngày 20/4/2010. Từ khi chị và anh H sống ly thân thì các con chung sống cùng chị cho đến nay. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và ở xa nên chị Y đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Bị đơn anh Nguyễn Trí H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án giao nộp chứng cứ, cũng không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Y và anh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Đ vào năm 2007. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phương Q, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Phương Quỳnh Khánh V, sinh ngày 20/4/2010. Do không có sự đồng cảm và chia sẻ, phải chịu áp lực về kinh tế và áp lực từ gia đình chồng nên từ năm 2017

chị Y và anh H sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay chị Y yêu cầu giải quyết ly hôn, xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Y và anh H đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Trí H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Nguyễn Thị Y yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Trí H. Hiện nay anh H có thường trú và sinh sống tại ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y, bị đơn là anh Nguyễn Trí H.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Trí H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 248 ngày 28/12/2007 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Y tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không phụ chị Y chăm sóc gia đình và nuôi dưỡng con cái. Mặt khác gia đình anh H có thành kiến và gây áp lực với chị Y, cuộc sống hôn nhân không có sự đồng cảm chia sẻ, áp lực kinh tế và áp lực từ phía gia đình chồng nên từ năm 2017 chị Y cùng các con bỏ về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân đến nay không hòa giải đoàn tụ. Về phía anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng liên tục vắng mặt, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y thể hiện anh không mong muốn hòa giải, đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Y được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2]. Về con chung: Chị Y khai trong quá trình chung sống, chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Phương Q, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Phương Quỳnh Khánh V, sinh ngày 20/4/2010. Ly hôn, chị Y đề nghị được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu Q, V được chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và nay các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, cần giao cháu Q và cháu V cho chị Y nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi các con chung là phù hợp pháp luật.

[3.3]. Tài sản chung, nợ chung: Chị Y khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị Nguyễn Thị Y phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 238, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Trí H.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Trí H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Phương Q, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Phương Quỳnh Khánh V, sinh ngày 20/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Trí H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022532 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Trí H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai